

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm nghiệm, thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Tĩnh
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thiết bị y tế theo nguồn Nghị quyết 71/2022/NQ-HĐND
- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế theo nguồn Nghị quyết 71/2022/NQ-HĐND
- Giá gói thầu: 3.649.000.000 VND
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước được bố trí tại Quyết định số 83/QĐ-SYT ngày 23/01/2025 của Sở Y tế Hà Tĩnh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III, năm 2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
- Tùy chọn mua thêm: Không đề xuất

#### **2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **a) Yêu cầu chung**

- Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
- Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2024-2025 trở về sau;
- Nguồn điện sử dụng phù hợp với điện áp Việt Nam;
- Thời gian bảo hành  $\geq$  12 tháng kể từ khi nghiệm thu bàn giao, đưa hàng hóa vào sử dụng.
- Nhà thầu đề xuất phạm vi cung cấp, ngày giao hàng phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

##### **b) Yêu cầu về kỹ thuật**

| STT | Tên hàng hóa                                | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn<br>(Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn) |
|-----|---|--|
| 1.  | Bàn thí nghiệm sát tường                    | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 2.  | Tủ đựng hóa chất                            | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 3.  | Tủ hút khí độc                              | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 4.  | Bàn cân chống rung                          | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 5.  | Cân phân tích (5 số lẻ)                     | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 6.  | Máy li tâm lạnh                             | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 7.  | Máy đo pH                                   | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 8.  | Cân phân tích (4 số lẻ)                     | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 9.  | Cân kỹ thuật 2 số                           | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 10. | Tủ âm                                       | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 11. | Kính hiển vi                                | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 12. | Buồng soi sắc ký bản mỏng                   | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 13. | Máy lấy mẫu vi sinh trong không khí         | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 14. | Phân cực kế                                 | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 15. | Khúc xạ kế                                  | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 16. | Máy thử độ hòa tan                          | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |
| 17. | Hệ thống quang phổ tử ngoại khả kiến Uv-vis | Như mục 3, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT                                      |

### 3. Các yêu cầu khác

- Nộp và thực hiện theo yêu cầu khi chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư yêu cầu các bản cam kết sau:

- + Nhà thầu cam kết hiệu chuẩn các thiết bị 1 lần (trừ hàng hóa STT 1,2,3,4).
- + Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
- + Hàng hóa cung cấp phải mới 100%, sản xuất năm 2024-2025 trở về sau. Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng, kể từ khi nghiệm thu bàn giao, đưa hàng hóa

vào sử dụng;

+ Lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và bảo trì, sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật của đơn vị;

+ Cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) đối với các thiết bị nhập khẩu; Tài liệu chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc tương đương đối với các thiết bị sản xuất trong nước khi giao hàng;

+ Cung cấp phụ tùng thay thế và vật liệu tiêu hao ít nhất trong vòng 10 năm sau thời hạn bảo hành; Mọi chi phí cung cấp phụ tùng thay thế và vật liệu tiêu hao khi hết thời hạn bảo hành sẽ do đơn vị sử dụng thiết bị chi trả theo giá trị hiện hành tại thời điểm thay thế;

+ Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu chuẩn bị 1 bộ E-HSMT bản gốc để Chủ đầu tư lưu trữ khi được mời đối chiếu tài liệu.